

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2024/KDTM

Ngày: 18-11-2024

V/v: “ Tranh chấp hợp đồng mua bán ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

Ông Trần Văn Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn .TPĐà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLST- KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐST - KDTM ngày 19 tháng 09 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/QĐ-HPT ngày 18 /10/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công Ty TNHH MTV H2. Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Quang H - chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: F L, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần X. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn An K - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Mạnh C – Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ: Khu B phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Xí nghiệp X1 12. Đại diện theo pháp luật: Ông Chu Việt H1 - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Khu B phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH MTV H2 (gọi tắt là công ty H2) và Xí nghiệp X1 12 - Công ty CP X (gọi là Công ty X ) đã ký kết các hợp đồng và các phụ lục hợp đồng về việc

mua bán xi măng, vật liệu xây dựng, phụ tùng, vận chuyển vật tư để Công ty X thi công 02 công trình cụ thể :

I. Đối với Công trình Thủy điện H2 Huyện S Tỉnh Quảng Ngãi.

- Hợp đồng số 06.07.2021/HĐMB/TL-HT ngày 06/07/2021 về việc mua bán Xi măng và phụ lục hợp đồng số 01.11/2021/PLHĐ ngày 01/11/2021 về việc điều chỉnh đơn giá xi măng.

- Hợp đồng số: 1711/HĐNT/HT-TL ngày 17/11/2021 về việc mua bán Thép xây dựng;

- Hợp đồng số: 01.01.2022/HĐMB/TL-HT ngày 01/ 01/ 2022 về việc mua bán Xi măng;

- Hợp đồng số: 01.01.2022/HĐMB/HT-TL ngày 01/01/2022 về việc mua bán Thép xây dựng.(Tổng cộng 04 hợp đồng + 01 phụ lục hợp đồng đính kèm)

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H2 thực hiện đúng các điều khoản mà các bên đã ký kết .

Tính đến ngày 13/07/2022, Công ty TNHH MTV H2 đã cung cấp đầy đủ 14 hóa đơn GTGT với tổng giá trị 15.137.793.680 đồng và các biên bản giao nhận hàng hóa được đại diện hai bên ký xác nhận đối với công trình Thủy điện H2 để Công ty CP X có căn cứ thanh toán, cụ thể:

| TT | Ngày HĐ          | Ký hiệu/ Số Hóa đơn | Nội dung          | Số tiền<br>(bao gồm VAT) |
|----|------------------|---------------------|-------------------|--------------------------|
| 01 | 31.10.2021       | Hóa đơn HT/18P 1316 | Xi măng rời       | 1,265,314,797            |
| 02 | 28.11.2021       | Hóa đơn HT/18P 1332 | Thép              | 633,741,636              |
| 03 | 26.12.2021       | Hóa đơn HT/18P 1357 | Thép              | 543,036,745              |
| 04 | 31.12.2021       | Hóa đơn HT/18P 1368 | Xi măng rời       | 354,411,000              |
| 05 | 18.01.2022       | Hóa đơn HT/18P 1379 | Thép              | 1,004,063,146            |
| 06 | 28.02.2022       | Hóa đơn HT/18P 1432 | Xi măng rời       | 891,099,599              |
| 07 | 28.02.2022       | Hóa đơn HT/18P 1433 | Xi măng rời+bao   | 949,709,101              |
| 08 | 31.03.2022       | Hóa đơn HT/18P 1468 | Thép              | 661,101,100              |
| 09 | 31.03.2022       | Hóa đơn HT/18P 1469 | Xi măng rời+bao   | 1,539,890,703            |
| 10 | 31.03.2022       | Hóa đơn HT/18P 1471 | Xi măng rời       | 190,979,650              |
| 11 | 30.04.2022       | Hóa đơn 1C22THT 10  | Xi măng rời+bao   | 1,673,636,401            |
| 12 | 01.06.2022       | Hóa đơn 1C22THT 53  | Xi măng rời+bao   | 1,564,537,900            |
| 13 | 30.06.2022       | Hóa đơn 1C22THT 85  | Xi măng rời+bao   | 2,944,841,300            |
| 14 | 13.07.2022       | Hóa đơn 1C22THT 98  | Xi măng rời+bao   | 921,430,602              |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b> |                     | <b>14 hóa đơn</b> | <b>15,137,793,680</b>    |

Tính đến ngày 16/08/2022, Công ty CP X đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV H2 11 đợt với tổng số tiền: 9.720.442.000 đồng, cụ thể các hóa đơn như sau:

Ngày 24.11.2021 thanh toán 633,741,000 đồng; ngày 23.12.2022 thanh toán 500,000,000 đồng; ngày 20.01.2022 thanh toán 1,004,063,000 đồng; ngày 28.01.2022

thanh toán 330,400,000 đồng; ngày 01.03.2022 thanh toán 661,101,000 đồng; ngày 11.03.2022 thanh toán 500,000,000 đồng; ngày 31.03.2022 thanh toán 1,000,000,000 đồng; ngày 29.04.2022 thanh toán 500,000,000 đồng; ngày 20.05.2022 thanh toán 1,500,000,000 đồng; ngày 09.06.2022 thanh toán 1,591,137,000 đồng; ngày 16.08.2022 thanh toán 1,500,000,000 đồng. Tổng cộng: 9,720,442,000 đồng.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2022 đã được hai bên ký xác nhận, tổng số tiền mà Công ty CP X còn nợ Công ty TNHH MTV H2 là: 5.417.351.680 đồng ( Bằng chữ: Năm tỷ, bốn trăm mười bảy triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi đồng).

Ngày 09/02/2023 Công ty C1 cũng đã có buổi làm việc để đối chiếu công nợ và Công ty CP X cũng đã hứa hẹn sẽ thanh toán ngay khi Chủ đầu tư giải ngân. Tuy nhiên đến nay Công ty chúng tôi vẫn không nhận được bất kỳ sự phản hồi nào từ phía Công ty CP X về việc thanh toán cũng như kế hoạch thanh toán đối với số tiền 5.417.351.680 đồng còn nợ như đã hứa.

Về tiền lãi đối với số dư nợ thì Căn cứ vào Điều 3: “ Giá cả và phương thức thanh toán” của Hợp đồng số 01.01.2022/HĐMB/HT-TL ngày 01/01/2022 về việc mua bán sắt thép và Điều 5: “ Phương thức, hình thức và đồng tiền thanh toán” của Hợp đồng số 01.01.2022/HĐMB/TL-HT ngày 01/01/2022 về việc mua bán xi măng đều quy định rõ về lãi suất chậm thanh toán trên số dư nợ theo lãi suất cho vay của Ngân hàng. Lãi suất Ngân hàng B tại thời điểm tính lãi tạm tính 9%/1 năm. Như vậy, số tiền lãi tính từ ngày 01/6/2023 - 31/10/2024 (17 tháng) đối với Công trình Thủy điện Thượng Sơn T là:  $5.417.351.680 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 9\%/1 \text{ năm} \times 17 \text{ tháng} = 690.712.339 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền cả gốc và lãi là: 5.985.060.452 đồng

II. Đối với Công trình Thủy điện H2, Huyện P, Tỉnh Quảng Nam các hợp đồng đã ký kết, bao gồm:

- Hợp đồng số: 01.01.2022/HĐMB/TL-HT ngày 01/01/2022 về việc mua bán xi măng; Phụ lục hợp đồng số 20.02/2022/PLHĐ ngày 20/02/2022; Phụ lục hợp đồng số 01.04/2022/PLHĐ ngày 01/04/2022; Phụ lục Hợp đồng số 08.05/2022/PLHĐ ngày 08/05/2022; Phụ lục Hợp đồng số 17.06/2022/PLHĐ ngày 17/06/2022 về việc điều chỉnh đơn giá xi măng.

- Hợp đồng số: 1501.2022/HĐMB/TL-HT ngày 15/01/2022 về việc mua bán vật liệu xây dựng.

- Hợp đồng số 01.06.2022/HĐNT/TL-HT ngày 01/06/2022 về việc vận chuyển giàn giáo, thiết bị và cung cấp lốp.

Tính đến ngày 13/07/2022, Công ty C1 cũng đã cung cấp đầy đủ 15 hóa đơn GTGT với tổng giá trị 9.842.352.600 đồng và các biên bản giao nhận hàng hóa được

đại diện hai bên ký xác nhận đối với công trình Thủy điện H2 để Công ty CP X có căn cứ thanh toán, cụ thể như sau:

| <b>TT</b> | <b>Ngày HĐ</b>   | <b>Ký hiệu/ Số Hóa đơn</b> | <b>Nội dung</b>   | <b>Số tiền<br/>(bao gồm VAT)</b> |
|-----------|------------------|----------------------------|-------------------|----------------------------------|
| 01        | 18.01.2022       | Hóa đơn HT/18P 0001380     | Ổng cống          | 117,000,000                      |
| 02        | 16.04.2022       | Hóa đơn HT/18P 0001483     | Xi măng rời       | 918,187,500                      |
| 03        | 16.04.2022       | Hóa đơn HT/18P 0001485     | Xi măng rời       | 615,517,500                      |
| 04        | 30.04.2022       | Hóa đơn 1C22THT 9          | Xi măng rời       | 2,265,458,400                    |
| 05        | 24.05.2022       | Hóa đơn 1C22THT 27         | Xi măng rời       | 1,767,066,500                    |
| 06        | 24.05.2022       | Hóa đơn 1C22THT 28         | Xi măng rời       | 150,275,499                      |
| 07        | 01.06.2022       | Hóa đơn 1C22THT 54         | Xi măng rời       | 759,702,500                      |
| 08        | 02.06.2022       | Hóa đơn 1C22THT 58         | Lốp               | 26,600,000                       |
| 09        | 02.06.2022       | Hóa đơn 1C22THT 59         | Xi măng rời       | 214,341,000                      |
| 10        | 03.06.2022       | Hóa đơn 1C22THT 61         | Vận chuyển        | 34,000,001                       |
| 11        | 03.06.2022       | Hóa đơn 1C22THT 62         | Vận chuyển        | 17,000,000                       |
| 12        | 03.06.2022       | Hóa đơn 1C22THT 63         | Lốp               | 11,800,000                       |
| 13        | 09.06.2022       | Hóa đơn 1C22THT 64         | Xi măng rời       | 494,801,000                      |
| 14        | 30.06.2022       | Hóa đơn 1C22THT 84         | Xi măng rời       | 2,000,697,299                    |
| 15        | 13.07.2022       | Hóa đơn 1C22THT 100        | Xi măng rời       | 449,905,400                      |
|           | <b>TỔNG CỘNG</b> |                            | <b>15 hóa đơn</b> | <b>9,842,352,600</b>             |

Tính đến hết ngày 08/02/2023, Công ty CP X đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV H2 với tổng số tiền 8.765.864.500 đồng cụ thể như sau:

Ngày 12.05.2022 thanh toán 2,000,000,000 đồng; Ngày 26.05.2022 thanh toán 615,517,000 đồng; ngày 15.06.2022 thanh toán 2,060,347,500 đồng; ngày 23.06.2022 thanh toán 2,090,000,000 đồng; ngày 30.01.2023 thanh toán 500,000,000 đồng; ngày 02.02.2023 thanh toán 500,000,000 đồng; ngày 08.02.2023 thanh toán 1,000,000,000 đồng. Tổng cộng 7 đợt: 8,765,864,500 đồng.

Như vậy, tính đến nay Công ty CP X còn nợ Công ty TNHH MTV H2 đối với công trình Thủy điện H2 3 với số tiền: 1.076.488.100 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, một trăm đồng).

Ngày 09/02/2023 trên tinh thần thiện chí, Công ty C1 cũng đã có buổi làm việc để đối chiếu công nợ và Công ty CP X cũng đã hứa hẹn sẽ thanh toán ngay khi Chủ đầu tư giải ngân. Đến nay Công ty chúng tôi vẫn không nhận được bất kỳ sự phản hồi nào từ Công ty CP X về việc thanh toán cũng như kế hoạch thanh toán đối với số tiền còn nợ của công trình này là 1.076.488.100 đồng.

Về lãi suất: Căn cứ Điều 5: “Phương thức, hình thức và đồng tiền thanh toán” của Hợp đồng số 01.01.2022/HĐMB/TL-HT ngày 01/01/2022 về việc mua bán xi măng cho công trình Thủy điện H2 3 quy định rõ về lãi suất chậm thanh toán trên số dư nợ theo lãi suất cho vay của Ngân hàng. Lãi suất Ngân hàng B tại thời điểm tính lãi tạm tính 9%/1 năm. Như vậy, tiền lãi chậm thanh toán đối với Công trình Thủy điện H2 3 từ ngày 01/06/2023 đến 31/10/2024:  $1.076.488.100 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 9\%/1 \text{ năm} (\text{tương đương } 0,75\%/\text{tháng}) \times 17 \text{ tháng} = 137.252.233 \text{ đồng}$ .

Nay Công ty TNHH MTV H2 đề nghị Tòa án giải quyết gồm:

1. Buộc Công ty cổ phần X phải trả cho chúng tôi số tiền nợ gốc là: 6.493.839.780 đồng (Trong đó nợ của Công trình Thủy điện Thượng Sơn T là 5.417.351.680 đồng và nợ của Công trình Thủy điện H2 là 1.076.488.100 đồng).

2. Buộc Công ty cổ phần X phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh đối với Công trình Thủy điện Thượng Sơn T theo lãi suất Ngân hàng B tại thời điểm tính lãi 9%/1 năm. Số tiền lãi tính từ ngày 01/6/2023 - 31/10/2024 (17 tháng) là 6.493.839.780 đồng  $\times$  lãi suất 9%/1 năm  $\times$  17 tháng = 827.964.572 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi 02 công trình là: 7.321.804.352 đồng.

*\* Công ty cổ phần X vắng mặt nhưng thể hiện ý kiến tại hồ sơ gồm:*

Công ty cổ phần X không trực tiếp ký hợp đồng với công ty TNHH MTV H2. Do mô hình quản lý của công ty là giao toàn bộ cho xí nghiệp chịu trách nhiệm thi công công trình theo hợp đồng khoán (công ty chỉ thu phí quản lý) còn xí nghiệp chủ động mua vật tư, thuê nhân công...để thi công vì vậy công ty không quản lý việc các xí nghiệp thành viên ký kết các hợp đồng mua bán để triển khai thi công các công trình được giao khoán. Tháng 5/2024 Công ty cổ phần X I có làm việc với công ty TNHH MTV H2 về việc phối hợp để đòi nợ chủ đầu tư công trình Thủy điện Thượng Sơn T để trả công nợ cho Hiệp T1.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Xí nghiệp X1 - ông Chu Việt H1 vắng mặt có thể thể hiện ý kiến hồ sơ gồm:*

Xí nghiệp X1 12 là xí nghiệp phụ thuộc vào Công ty cổ phần X, việc ký kết các hợp đồng với công ty TNHH MTV H2 thì xí nghiệp được giao nhiệm vụ bằng quyết định. Hiện nay ông là người mới được bổ nhiệm làm giám đốc xí nghiệp từ tháng 7/2023, mọi việc liên quan đến dự án đã được làm xong và ông cũng chưa nhận bàn giao liên quan đến dự án giữa Công ty cổ phần X với công ty TNHH MTV H2 đã ký kết.

Xí nghiệp X1 12 phụ thuộc hoàn toàn vào Công ty cổ phần X I từ con người cũng như kinh tế, nay đề nghị công ty TNHH MTV H2 làm việc trực tiếp với cổ phần xây dựng X.

\* Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 4 luật thương mại; Điều 39; Điều 104; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357, Điều 430; Điều 440; Điều 468 Bộ Luật Dân Sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “ Tranh chấp hợp đồng mua bán” giữa Công ty TNHH MTV H2 đối với Công ty cổ phần X.

1. Xử: Buộc Công ty cổ phần X I phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV H2 số tiền 7.321.804.352 đồng (trong đó tiền gốc 6.493.839.780 đồng và lãi 827.964.572 đồng).

2. Án phí KDTM sơ thẩm: Công ty cổ phần X phải chịu 114.493.840 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV H2 số tiền tạm ứng án phí 57.620.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001679 ngày 23/11/2023 .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn không có yêu cầu phản tố, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu độc lập đã vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án:

Công ty TNHH MTV H2 và Công ty CP X đã ký kết các hợp đồng và các phụ lục hợp đồng về việc mua bán xi măng, vật liệu xây dựng, phụ tùng, vận chuyển vật tư cho Công ty X thi công 02 công trình cụ thể :

+ Đối với Công trình Thủy điện H2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi các hợp đồng ký kết:

- Hợp đồng số 06.07.2021/HĐMB/TL-HT ngày 06/07/2021 về việc mua bán Xi măng và phụ lục hợp đồng số 01.11/2021/PLHĐ ngày 01/11/2021 về việc điều chỉnh đơn giá xi măng;

- Hợp đồng số: 1711/HĐNT/HT-TL ngày 17/11/2021 về việc mua bán Thép xây dựng;

- Hợp đồng số: 01.01.2022/HĐMB/TL-HT ngày 01/ 01/ 2022 về việc mua bán Xi măng;

- Hợp đồng số: 01.01.2022/HĐMB/HT-TL ngày 01/01/2022 về việc mua bán Thép xây dựng.

+ Đối với Công trình Thủy điện H2, Huyện P, Tỉnh Quảng Nam gồm các hợp đồng đã ký kết:

- Hợp đồng số: 01.01.2022/HĐMB/TL-HT ngày 01/01/2022 về việc mua bán xi măng; Phụ lục hợp đồng số 20.02/2022/PLHĐ ngày 20/02/2022; Phụ lục hợp đồng số 01.04/2022/PLHĐ ngày 01/04/2022; Phụ lục Hợp đồng số 08.05/2022/PLHĐ ngày 08/05/2022; Phụ lục Hợp đồng số 17.06/2022/PLHĐ ngày 17/06/2022 về việc điều chỉnh đơn giá xi măng.

- Hợp đồng số: 1501.2022/HĐMB/TL-HT ngày 15/01/2022 về việc mua bán vật liệu xây dựng;

- Hợp đồng số 01.06.2022/HĐNT/TL-HT ngày 01/06/2022 về việc vận chuyển giàn giáo, thiết bị và cung cấp lớp (Tổng cộng 03 hợp đồng + 04 phụ lục hợp đồng)

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đối với công trình thủy điện H2, Công ty TNHH MTV H2 đã xuất 14 hóa đơn GTGT với tổng giá trị 15.137.793.680 đồng và các biên bản giao nhận hàng hóa được đại diện hai bên ký xác nhận. Tính đến ngày 16/08/2022, Công ty CP X đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV H2 11 đợt với tổng số tiền: 9.720.442.000 đồng. Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2022 đã được hai bên ký xác nhận, tổng số tiền mà Công ty CP X còn nợ Công ty TNHH MTV H2 của công trình Thủy điện Thượng Sơn T số tiền: 5.417.351.680 đồng.

Còn công trình Thủy điện H2 tính đến ngày 13/07/2022, Công ty H2 đã xuất đủ 15 hóa đơn GTGT với tổng giá trị 9.842.352.600 đồng. Tính đến hết ngày 08/02/2023, Công ty CP X đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV H2 đối với công trình Thủy điện H2 với tổng số tiền 8.765.864.500 đồng. Công ty X thanh toán tính đến nay còn nợ 1.076.488.100 đồng.

Ngày 09/02/2023 các bên đã đối chiếu công nợ cho tổng của các hợp đồng đối với 02 công trình nêu trên còn nợ 6.493.839.780 đồng. Nay Công ty TNHH MTV H2 đề nghị Tòa án giải quyết gồm:

+ Buộc Công ty cổ phần X phải trả cho chúng tôi số tiền nợ gốc là: 6.493.839.780 đồng.

+ Buộc Công ty cổ phần X phải trả thêm khoản tiền lãi phát tính từ ngày 01/6/2023 - 31/10/2024 (17 tháng) là 6.493.839.780 đồng x lãi suất 9%/1 năm x 17 tháng = 827.964.572 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi 02 công trình là: 7.321.804.352 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

3.1 Trong khoảng thời gian từ ngày 6/7/2021 đến ngày 01/6/2022 giữa Công ty TNHH MTV H2 và Xí nghiệp X1 12 thuộc Công ty CP X đã ký kết nhiều hợp đồng về việc mua bán xi măng, vật liệu xây dựng, phụ tùng, vận chuyển vật tư để công ty X thi công 02 công trình Thủy điện H2 và Thủy điện H2 được thể hiện cụ thể các hợp đồng nêu trên. Các hợp đồng này đã thể hiện cụ thể về đối tượng tham gia ký kết, đơn giá các hạng mục, địa điểm phương thức giao nhận hàng, phương thức thanh toán và trách nhiệm của mỗi bên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Các Hợp đồng này được ký kết trên cơ sở tự nguyện được các bên thừa nhận (Xí nghiệp X1 12 được Công ty CP X giao nhiệm vụ thể hiện bằng quyết định), về hình thức và nội dung của các hợp đồng là phù hợp với qui định điều 472, 473 , 474 luật dân sự trong giao kết hợp đồng. Do vậy các hợp đồng này có hiệu lực pháp luật, quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh kể từ khi tham gia ký kết.

Thực hiện các hợp đồng đã ký kết nêu trên Công ty H2 đã cung cấp đầy đủ các hạng mục nội dung của từng hợp đồng ký kết, theo đó các hàng hóa ,vật tư công ty H2 cung cấp cho Công ty X thi công cho 02 công trình Thủy điện H2 và Thủy điện Đ đều thể hiện bằng kê các hạng mục chi tiết, biên bản giao nhận số lượng hàng hóa, danh mục vật tư cung cấp cụ thể của từng lần và cũng như lập bản kê khối lượng cụ thể thời gian được các bên ký kết xác nhận. Đồng thời Công ty H2 đã thực hiện xuất tổng cộng 29 hóa đơn cho Công ty X. Theo đó các bên đã thực hiện nhiều lần đối chiếu gởi đầu cho các khoản nợ của các hạng mục. Ngày 31/08/2022 các bên thực hiện đối chiếu công nợ (đối với hạng mục của công trình Thủy điện Thượng Sơn T) thể hiện công ty X còn nợ 5.417.351.680 đồng. Ngày 31/12/2022, các bên đối chiếu công nợ (hạng mục công trình Thủy điện H2) theo đó Công ty X còn nợ 3.076.488.100 đồng và tính đến ngày 08/02/2023 còn nợ 1.076.488.100 đồng.

Ngày 09/02/2023 các bên đã thực hiện đối chiếu công nợ cho tổng của các hợp đồng đối với 02 công trình nêu trên còn nợ 6.493.839.780 đồng. Do đó có căn cứ xác định Công ty X còn nợ Công ty H2 số tiền 6.493.839.780 đồng và yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở được chấp nhận.

3.2 Đối với yêu cầu tiền lãi phát sinh buộc Công ty cổ phần X phải trả tính từ ngày 01/6/2023 - 31/10/2024 là 6.493.839.780 đồng x lãi suất 9%/1 năm x 17 tháng = 827.964.572 đồng thì thấy, sau khi các bên đối chiếu công nợ cuối cùng vào ngày 09/02/2023 theo đó Công ty X đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho công ty H2 là vi phạm, nên cần phải buộc công ty X phải thực hiện trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản đối với nghĩa vụ chậm thanh toán như nguyên đơn yêu cầu nêu trên là phù hợp được chấp nhận.

[4] Án phí KDTM sơ thẩm: Công ty cổ phần X phải chịu 115.321.804 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV H2 số tiền tạm ứng án phí 57.620.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001679 ngày 23/11/2023 .

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 4 luật thương mại; Điều 39; Điều 104; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357, Điều 430; Điều 440; Điều 468 Bộ Luật Dân Sự 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “ Tranh chấp hợp đồng mua bán” giữa Công ty TNHH MTV H2 đối với Công ty cổ phần X.

1/ Xử: Buộc Công ty cổ phần X phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV H2 số tiền 7.321.804.352 đồng (trong đó tiền gốc 6.493.839.780 đồng và lãi 827.964.572 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2/ Án phí KDTM sơ thẩm: Công ty cổ phần X phải chịu 115.321.804 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV H2 số tiền tạm ứng án phí 57.620.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001679 ngày 23/11/2023 .

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- Dương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**đã ký**

**Lương Thị Anh**